

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II – MÔN TOÁN 6

I. MA TRẬN

TT	Chủ đề/ Chương	Nội dung/ đơn vị kiến thức	MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ												Tổng			Tỉ lệ %
			TRẮC NGHIỆM									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng/Sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Phân số	Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số	2	3											2	3		12,5%
		Các phép tính với phân số		1					1	2			2		2	4	32,5%	
2	Số thập phân	Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm	2	2			4			1				2	2	6	2	30%
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia				4									4			10%
		Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng	2									1			3			15%
Tổng số câu			6	6		4	4			2	2	1		2	12	10	4	25
Tổng số điểm			3			2			2			3			3,5	3	3,5	10
Tỉ lệ			30%			20%			20%			30%			35%	30%	35%	100%

II. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Chủ đề/ Chương	Nội dung/ đơn vị kiến thức		MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ											
				TRẮC NGHIỆM									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng/Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
1	Phân số	Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số	Nhận biết: - Nhận biết được phân số với tử số là số nguyên âm. - Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số. - Nhận biết được hỗn số dương. - Nhận biết được số đối của phân số. Thông hiểu: - Trình bày được tính chất cơ bản của phân số. - So sánh được hai phân số cho trước.	2	3										
		Các phép tính với phân số	Thông hiểu: - Quy tắc cộng, trừ nhân chia phân số Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý). – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được		1					1	2		2		

			một số biết giá trị phân số của số đó. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...).												
2	Số thập phân	Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm	Nhận biết: – Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân. Thông hiểu: – So sánh được hai số thập phân cho trước. Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng. – Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến	2	2			4				1			2

			thành phần các chất trong Hoá học,...).												
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia	Nhận biết: - Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng; điểm thuộc đường thẳng; điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề và đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. - Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm. - Nhận biết được khái niệm tia.			4									
		Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng	Nhận biết: - Đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài của đoạn thẳng. Thông hiểu: - Tính được độ dài của đoạn thẳng	2								1			
Tổng số câu				6	6		5	2	1		2	2	1		2
Tổng số điểm				3			2			2			3		
Tỉ lệ				30%			20%			20%			30%		

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II – NĂM HỌC 2025-2026
MÔN TOÁN 6

Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Dạng 1. (3,0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Trong mỗi câu hỏi từ câu 1 đến câu 12, Khoanh vào chữ cái in hoa đứng trước phương án đúng.

Câu 1. Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta một phân số?

- A. $\frac{-2,5}{4}$. B. $\frac{-15}{27}$. C. $\frac{2,3}{4,5}$. D. $\frac{25}{0}$.

Câu 2. Phân số nào dưới đây bằng với phân số $\frac{4}{7}$?

- A. $\frac{-8}{14}$. B. $\frac{-4}{7}$. C. $\frac{-8}{-14}$. D. $\frac{7}{4}$.

Câu 3. Phân số $\frac{21}{4}$ viết dưới dạng hỗn số có dạng

- A. $5\frac{1}{4}$. B. $1\frac{4}{5}$. C. $4\frac{1}{5}$. D. $1\frac{5}{4}$.

Câu 4. Điền dấu ($>$; $<$; $=$) thích hợp vào chỗ chấm: $\frac{-2}{5}$ $\frac{-7}{20}$.

- A. $>$. B. $<$. C. $=$. D. Không so sánh được.

Câu 5. Kết quả của phép tính $\frac{4}{5} + \left(\frac{-3}{5}\right)$ là

- A. $\frac{7}{5}$. B. $\frac{-7}{5}$. C. $\frac{1}{5}$. D. $\frac{-1}{5}$.

Câu 6. Rút gọn phân số $-\frac{600}{800}$ về dạng phân số tối giản ta được:

- A. $\frac{1}{2}$ B. $-\frac{6}{8}$ C. $\frac{3}{4}$ D. $-\frac{3}{4}$

Câu 7. Viết phân số $-\frac{131}{1\,000}$ dưới dạng số thập phân ta được:

- A. -0,131. B. -0,1331. C. -1,31. D. -0,0131.

Câu 8. Số thập phân nhỏ nhất trong các số thập phân 2,15; -8,965; -12,05; 0,025 là:

- A. 2,15. B. -8,965. C. -12,05. D. 0,025.

Câu 9: Chia một số thập phân âm cho một số thập phân dương ta được kết quả là:

- A. Một số thập phân âm B. Một số thập phân dương

C. Số 0

D. Số 1

Câu 10: Làm tròn số 79,8245 đến hàng phần trăm ta được kết quả là:

A. 79,83.

B. 79,82.

C. 79,8.

D. 79,9.

Câu 11. Cho M là trung điểm của đoạn thẳng AB và AM=3 cm, Khi đó độ dài đoạn thẳng AB là:

A. 3 cm.

B. 6 cm.

C. 9 cm.

D. 12 cm.

Câu 12. Hình vẽ dưới đây có bao nhiêu đoạn thẳng?



A. 2

B. 3

D. 4

C. 5

Dạng 2. (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai

Trong câu 13, 14, hãy ghi đúng hoặc sai cho mỗi ý a), b), c), d).

Câu 13. Khối 6 của một trường có 400 học sinh. Sơ kết học kì I có 32 học sinh đạt loại giỏi, 60% học sinh khá, 12 học sinh yếu và còn lại là học sinh trung bình.

a) Số học sinh giỏi chiếm 8% tổng số học sinh khối 6.

☐

b) Số học sinh yếu chiếm 4% tổng số học sinh khối 6.

☐

c) Số học sinh đạt loại khá là 240 học sinh.

☐

d) Số học sinh trung bình nhiều hơn số học sinh giỏi 86 học sinh.

☐

Câu 14. Cho hình vẽ, các khẳng định sau đúng hay sai?

a) Điểm A thuộc đường thẳng BC

☐

b) Điểm D nằm giữa hai điểm B và C

☐

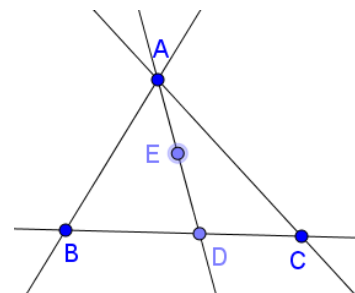
c) Tia DB và tia DC là 2 tia trùng nhau

☐

d) Có 4 đường thẳng và 2 bộ ba điểm thẳng hàng

☐

trong hình vẽ



Dạng 3 (2,0 điểm) Trắc nghiệm trả lời ngắn

Trong mỗi câu hỏi từ câu 15 đến câu 18, hãy viết đáp án vào bài làm mà không cần trình bày lời giải chi tiết.

Câu 15. Tìm giá trị của x , biết: $\frac{x}{10} = \frac{-11}{5}$.

Trả lời : $x = \dots\dots\dots$

Câu 16. Thực hiện phép tính: $\frac{-5}{12} - 3 : \frac{9}{4}$?

Trả lời: Kết quả phép tính là: $\dots\dots\dots$

Câu 17. Tính giá trị của biểu thức $A = x.(-3,1 - 2,3.3) - x:2$ với $x = 2,5$

Trả lời : $A = \dots\dots\dots$

Câu 18. $\frac{2}{3}$ quả dưa hấu nặng 2 kg. Hỏi quả dưa hấu nặng bao nhiêu kilogram?

Trả lời : Quả dưa hấu nặng là

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 19 (1,0 điểm). Tính một cách hợp lý

a) $5,42 - (-2,9 - 4,58)$

b) $(-4,2) \cdot 5,1 + 5,1 \cdot (-5,8)$

c) $\frac{1}{6} + \frac{1}{12} + \frac{1}{20} + \frac{1}{30} + \frac{1}{42} + \frac{1}{56} + \frac{1}{72} + \frac{1}{90}$.

Câu 20. (1,0 điểm) Mai đọc một cuốn sách dày 180 trang. Ngày thứ nhất Mai đọc được $\frac{1}{4}$ số trang. Ngày thứ hai Mai đọc được $\frac{2}{5}$ số trang còn lại. Hỏi sau hai ngày cuốn sách còn bao nhiêu trang mà Mai chưa đọc?

Bài 21. (1,0 điểm) Vẽ tia Ax, Trên tia Ax lấy hai điểm B và C sao cho AB= 8 cm, AC= 6 cm

a) Tính độ dài đoạn thẳng BC.

b) Trên tia đối của tia CB lấy điểm E sao cho C là trung điểm của BE. Điểm E có là trung điểm của đoạn AB không? Vì sao?

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
MÔN TOÁN 6
NĂM HỌC 2025-2026

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Dạng 1. (3,0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Từ câu 1 đến câu 12, mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	A	B	C	D	A	C	A	B	B	B

Dạng 2. (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 13, 14, mỗi ý đúng được 0,25 điểm

Ý	a	b	c	d
Câu 13	Đ	S	Đ	S
Câu 14	S	Đ	S	Đ

Dạng 3 (2 điểm) Trắc nghiệm trả lời ngắn

Từ câu 15 đến câu 18, mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu 15. $x = -22$

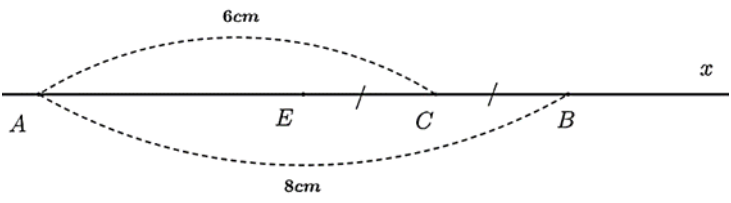
Câu 16. $-\frac{7}{4}$.

Câu 17. $A = -26,25$

Câu 18. 3 kg

B. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
19 (1 đ)	a) $5,42 - (-2,9 - 4,58) = 5,42 + 2,9 + 4,58 = (5,42 + 4,58) + 2,9 = 10 + 2,9 = 12,9$	0,25
	b) $(-4,2) \cdot 5,1 + 5,1 \cdot (-5,8) = 5,1 \cdot [(-4,2) + (-5,8)] = 5,1 \cdot (-10) = -51$	0,25
	c) $\frac{1}{6} + \frac{1}{12} + \frac{1}{20} + \frac{1}{30} + \frac{1}{42} + \frac{1}{56} + \frac{1}{72} + \frac{1}{90}$ $= \frac{1}{2 \cdot 3} + \frac{1}{3 \cdot 4} + \frac{1}{4 \cdot 5} + \frac{1}{5 \cdot 6} + \frac{1}{6 \cdot 7} + \frac{1}{7 \cdot 8} + \frac{1}{8 \cdot 9} + \frac{1}{9 \cdot 10}$ $= \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \frac{1}{4} - \frac{1}{5} + \frac{1}{5} - \frac{1}{6} + \frac{1}{6} - \frac{1}{7} + \frac{1}{7} - \frac{1}{8} + \frac{1}{8} - \frac{1}{9} + \frac{1}{9} - \frac{1}{10}$ $= \frac{1}{2} - \frac{1}{10}$ $= \frac{2}{5}$.	0,5
20 (1đ)	Số trang Mai đọc được trong ngày thứ nhất là: $180 \cdot \frac{1}{4} = 45$ (trang)	0,25

	Sau ngày thứ nhất, số trang Mai chưa đọc của cuốn sách là: $180 - 45 = 135$ (trang) Ngày thứ hai Mai đọc được số trang sách là: $135 \cdot \frac{2}{5} = 54$ (trang) Sau hai ngày, số trang sách mà Mai chưa đọc là: $180 - (45 + 54) = 81$ (trang). Vậy sau hai ngày, còn 81 trang sách mà Mai chưa đọc.	0,25 0,25 0,25
21	 a) Vì điểm C nằm giữa A và B. nên $AC + CB = AB$ suy ra $BC = AB - AC = 8 - 6 = 2$ cm. b) Vì C là trung điểm của BE nên $EC = CB = 2$ cm. Do đó, $EB = EC + CB = 4$ cm. Có E nằm giữa hai điểm A và B. (1) Suy ra $AE + EB = AB$ nên $AE = AB - EB = 8 - 4 = 4$ cm. Do đó, $BE = AE = 4$ cm. (2) Từ (1) và (2) suy ra E là trung điểm của đoạn AB.	0,5 0,5

Lưu ý: HS làm cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa